TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số 05/2024/HNGĐ-GĐT
Ngày 09/5/2024
Về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với Hội đồng xét xử giám đốc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Chí Công và ông Trần Quốc Cường.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Trương Quang Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"*, giữa:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim Á, sinh năm 1970;

2. Bị đơn: ông Lê L, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

3.2. Chị Lê Thị Ngọc S, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 14/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Á trình bày:*

Bà Á và ông Lê L ly hôn theo Quyết định số 89/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên, nhưng tài sản chung của vợ chồng chưa chia, gồm có: + Thửa đất số 02, tờ bản đồ 11, diện tích đất 310m^2 (đo thực tế 538,6m^2) gồm 200m^2 đất ở, còn lại là đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB409400 ngày 13/4/2016, đứng tên Lê L, Nguyễn Thị Kim Á, trên đất có nhà ở và công trình phụ gắn liền với đất; + Thửa đất số 111, tờ

bản đồ 26, diện tích 1.555m^2 (đo thực tế 1.058,5m^2) loại đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409399 ngày 13/4/2016, đứng tên Lê L, Nguyễn Thị Kim Á; + 01 xe môtô Future biển kiểm soát 78H1-33565; 05 bàn sắt mặt gạch men; 01 thùng nhựa màu đỏ; 01 thùng nhựa đựng nước; 01 khung sắt chuồng; 01 bộ bàn ghế Inox mặt gương; 01 bộ bàn ghế salon; 01 tủ tivi; 01 tivi Samsung và 01 cái gương.

Nay, bà Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Á được nhận 01 ngôi nhà và công trình phụ gắn liền diện tích 221,6m^2 đất trong tổng diện tích 538,6m^2 đất tại thửa đất số 02 và nhận 584,5m^2 đất nằm trong 1.058,5m^2 đất tại thửa số 111, nhận 01 xe mô tô Future biển kiểm soát 78H1-33565, 05 bàn sắt mặt gạch men, 01 thùng nhựa màu đỏ lớn, 01 thùng nhựa đựng nước 500 lít, 01 khung sắt chuồng chó. Đối với diện tích đất còn lại của 02 thửa đất và tài sản gắn liền trên đất và các tài sản khác, bà Á đồng ý giao cho ông L, bà Á sẽ thanh toán trị giá tài sản chênh lệch cho ông L. Đối với số tiền Bảo hiểm nhân thọ 38.424.492 đồng, bà Á đã đóng cho chị Lê Thị Ngọc S, chị S đã hủy hợp đồng, rút toàn bộ số tiền trên và đang quản lý số tiền này, do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Bị đơn ông* Lê L *trình bày:* ông L xác định vợ chồng có tài sản chung chưa chia như trình bày của bà Á; đồng ý với phương án chia như bà Á đề nghị, riêng số tiền đã đóng Bảo hiểm nhân thọ 38.424.492 đồng yêu cầu chị Lê Thị Ngọc S trả ông L ½.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* UBND huyện T *trình bày:* thửa đất số 02, tờ bản đồ số 11, diện tích 310m^2, thôn C, xã A, huyện T được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409400 ngày 13/4/2016 cho vợ chồng ông Lê L, bà Nguyễn Thị Kim Á và thửa đất số 111, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.555m^2 tại thôn C, xã A, huyện T được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409399 ngày 13/4/2016 cho vợ chồng ông Lê L, bà Nguyễn Thị Kim Á. Diện tích các thửa đất trên có ranh giới rõ ràng, ổn định, nhưng đo thực tế diện tích đất tăng vì không đo thực tế mà chỉ số hóa lại bản đồ đo đạc cũ nên đề nghị khi Tòa án giải quyết vụ án cần căn cứ diện tích đất đo thực tế.

- Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 29/3/2023, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên quyết định:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Á *và bị đơn ông* Lê L *về việc phân chia tài sản, cụ thể như sau (tóm tắt): giao cho bà* Nguyễn Thị Kim Á *được quyền sử dụng diện tích đất 584,5 m^2 trong tổng diện tích đất đo đạc thực tế 1.058,5 m^2 tại thửa số 111, tờ bản đồ 26, tại* thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên *theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409399 ngày 13/4/2016 của* UBND huyện T *... giao cho ông* Lê L *được quyền sử dụng diện tích đất 474 m^2 trong tổng diện tích đất đo đạc thực tế 1.058,5 m^2 tại thửa số 111, tờ bản đồ 26, tại* thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên *theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409399 ngày 13/4/2016 của* UBND huyện T *...*

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các tài sản khác, quyết định về án phí; lãi suất chậm trả khi thi hành án, chi phí định giá tài sản và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật.
- Tại Kiến nghị số 01/CV-TA ngày 04/12/2023, Chánh án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục tái thẩm, hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T về phần thoả thuận chia tài sản chung đối với quyền sử dụng 1.058,5m^2 vì diện tích đất này không nằm trong thửa số 111, tờ bản đồ số 26 thôn C, xã A, huyện T mà nằm ở vị trí khác và diện tích đất chia này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Tại Quyết định số 01/2024/KN-HNGĐ ngày 26/3/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm nêu trên về phần giao cho bà Á được quyền sử dụng 584,5m^2 đất, giao cho ông L được quyền sử dụng 474m^2 đất trong tổng diện tích đất đo thực tế 1.058,5m^2 tại thửa số 111, tờ bản đồ 26, thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409399 ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.
- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại *Giấy chứng quyền sử dụng đất* số phát hành CB 409399 ngày 13/4/2016, Ủy ban nhân dân huyện T chứng nhận *"hộ ông* Lê L*, bà* Nguyễn Thị Kim Á*"* được quyền sử dụng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.555m^2 (diện tích đất đo thực tế 1.058,5m^2) loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thời hạn sử dụng đến tháng 8/2065, xã A, huyện T, Phú Yên. Tại *Biên bản làm việc ngày 22/02/2023* do Tòa án nhân dân huyện T tiến hành, đại diện Ủy ban nhân dân xã A trình bày diện tích đất 1.058,5m^2 do ông L, bà Á trực tiếp sử dụng; diện tích đất này liền kề với thửa đất số 2, tờ bản đồ 11 nên có mục đích sử dụng thực tế là đất vườn liền kề với đất ở; tuy chưa được cấp quyền sử dụng đất, nhưng vợ chồng ông L đã trực tiếp sử dụng ổn định, lâu dài, được xem xét để cấp quyền sử dụng đất. Tại *Biên bản làm việc ngày 24/02/2023* do Tòa án nhân dân huyện T tiến hành, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T thống nhất với trình bày của Ủy ban nhân dân xã A tại Biên bản làm việc ngày 22/02/2023. Tại *Biên bản ghi lời khai ngày 27/02/2023,* đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T trình bày diện tích đất 1.058,5m^2 thuộc thửa đất số 111 có ranh giới ổn định, diện tích đất đo thực tế giảm

còn 1.058,5m^2 do khi cấp lại không đo thực tế mà chỉ số hoá lại bản đồ đo đạc cũ nên đề nghị khi giải quyết vụ án, Tòa án cần căn cứ diện tích đất đo trên thực tế để phán quyết. Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét thấy, Tòa án nhân dân huyện T xác định diện tích đất đo thực tế 1.058,5m^2 tại thửa đất số 111, tờ bản đồ 26, thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409399 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 13/4/2016 cho *"hộ ông* Lê L*, bà* Nguyễn Thị Kim Á*"* là tài sản chung của vợ chồng nên chia cho ông L, bà Á mỗi người sử dụng một phần là có cơ sở.

[2] Tại Văn bản số 2908/UBND ngày 17/11/2023, Ủy ban nhân dân huyện T lại xác định qua kiểm tra thực tế phát hiện diện tích đất 1.058,5m^2 *(diện tích đất mà các đương sự thỏa thuận đã được Tòa án nhân dân huyện T chia trong bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 29/3/2023)* nằm trong thửa đất số 04, tờ bản đồ số 11 (đo đạc năm 1993) có diện tích 11.760m^2 (diện tích đo bao) loại đất hoang (Hg), theo Bản đồ đo đạc chỉnh lý năm 2011 thì diện tích đất này là loại đất bằng chưa sử dụng (BCS) chứ không thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 26, xã A, huyện T và hiện nay thửa đất này chưa đăng ký, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình nào. Như vậy, Hội đồng xét xử vụ án của Tòa án nhân dân huyện T không có lỗi khi giải quyết vụ án trên, tuy nhiên, do trên thực tế diện tích 1.085,5m^2 đất mà Tòa án nhân dân huyện T giải quyết chia cho ông L, bà Á không nằm trong thửa đất số 111, tờ bản đồ 26, thôn C, xã A, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 409399 do UBND huyện T cấp ngày 13/4/2016 nên các đương sự sẽ không thể thực hiện được quyền kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật, do đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét cần chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T về phần chia tài sản chung đối với diện tích đất 1.058,5m^2, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên giải quyết sơ thẩm lại phần bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên về phần giao cho bà Nguyễn Thị Kim Á được quyền sử dụng 584,5m^2 đất; giao cho ông Lê L được quyền sử dụng 474m^2 đất trong tổng diện tích đất đo thực tế 1.058,5m^2 tại thửa đất số 111, tờ bản đồ 26, thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CB 409399 ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên giải quyết sơ thẩm lại phần bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT III – Toà án nhân dân tối cao;
- Chánh án TAND CC tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND huyện T, tỉnh Phú Yên (Kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GĐKT I; Phòng HC-TP; Phòng lưu trữ và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân